

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2018/HNGĐ-ST

Ngày 31-5-2018

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Ông Trần Đăng Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 79/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1075/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị L; nơi cư trú: Thôn 1, xã TH, huyện TN, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Vương Sĩ S; nơi cư trú: 681 BR, P, LD E13 9EU, UK (VQA); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Đỗ Thị L trình bày: Chị và anh Vương Sĩ S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND thành phố Hải Phòng vào ngày 18 tháng 02 năm 2011. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh S chưa đủ điều kiện để bảo lãnh chị L sang VQA, để vợ chồng đoàn tụ. Mặt khác, anh S không chu cấp về kinh tế và liên lạc thường xuyên với chị, lại xa cách về địa lý nên từ đó đến nay tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Nay, chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Vương Sĩ S.

Về con chung và tài sản chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị L đề nghị không tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án càng sớm càng tốt để chị nhanh chóng ổn định cuộc sống.

Trong bản tự khai của bị đơn gửi về Tòa án (đã được hợp pháp hóa lãnh sự), anh Vương Sĩ S trình bày: Anh thống nhất về quá trình kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng. Nay, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị L. Về con chung, tài sản chung: Vợ chồng không có con chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh S đang ở nước ngoài nên anh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, chị Đỗ Thị L vẫn giữ nguyên quan điểm như trong đơn ly hôn và bản tự khai. Anh Vương Sĩ S vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của đương sự tại phiên tòa, xét thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn. Anh Vương Sĩ S ở nước ngoài, không có nơi cư trú, làm việc ở Việt Nam, chị L hiện đang cư trú tại thành phố Hải Phòng. Mặt khác, anh S và chị L đều có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc ly hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; **điểm b khoản 1 Điều 39**; điểm c khoản 1 Điều 40; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc hòa giải vụ án và sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn anh Vương Sĩ S hiện đang cư trú tại VQA, anh S và chị L đều đề nghị không tiến hành hòa giải. Do vậy, căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị L đề nghị tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt anh S. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị L và anh Vương Sĩ S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng vào ngày 18 tháng 02 năm 2011, theo quy định tại Điều 8; Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ

chồng hạnh phúc đến năm 2013, mâu thuẫn phát sinh do chị L sinh sống ở Việt Nam còn anh S sinh sống tại VQA. Anh S không bảo lãnh được cho chị L sang sinh sống cùng, để vợ chồng đoàn tụ. Mặt khác, anh S không quan tâm đến kinh tế và liên lạc thường xuyên với chị L. Từ năm 2013 đến nay, mâu thuẫn của anh chị ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không quan tâm đến nhau. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh S đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị ly hôn của chị L.

[4] Về con chung và tài sản chung: Chị L và anh S đều xác nhận không có con chung, không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị L và anh S được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; điểm c khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị L được ly hôn anh Vương Sĩ S.

2. Về con chung và tài sản chung: Chị Đỗ Thị L và anh Vương Sĩ S không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đỗ Thị L phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 0010692 ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Đỗ Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

+ Anh Vương Sĩ S (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

+ Chị Đỗ Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Ngọc Dũng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đăng Khoa

Nguyễn Thành Biên

Lương Ngọc Dũng

